TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TS** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2023
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

2. Ông Phan Minh Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 479/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp VT, xã VK, huyện TS, tỉnh An Giang.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VT, xã VK, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Hoàng T tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã VK, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 14/8/2002. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc có 02 con chung. Đến khoảng năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, cuộc sống không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Hoàng T.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 09/5/1999 (đã thành niên) và Nguyễn Thị Hồng P, sinh ngày 08/5/2003 (bệnh chết năm 2019).

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

** Về phía bị đơn anh Nguyễn Hoàng T:* Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng anh Tâm không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân, cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Tâm.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Hoàng T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh ngày 09/5/1999 (đã thành niên) và Nguyễn Thị Hồng P, sinh ngày 08/5/2003 (bệnh chết năm 2019) nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Hoàng T có địa chỉ tại ấp VT, xã VK, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Hoàng T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Hoàng T tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã VK, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 14/8/2002. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Đ và anh T sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Nhưng đến khoảng năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, cuộc sống không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Về phía anh T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh T, tạo điều kiện cho anh T hàn gắn tình cảm với chị Đ nhưng anh T không đến tham dự các phiên hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của chị Đ, cho thấy anh T không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Đ để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Đ.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Đ và anh Tâm có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 09/5/1999 (đã thành niên) và Nguyễn Thị Hồng P, sinh ngày 08/5/2003 (bệnh chết năm 2019) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị Trần Thị Đ yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Hoàng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 14 tháng 8 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã VK, huyện TS, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 09/5/1999 (đã thành niên) và Nguyễn Thị Hồng P, sinh ngày 08/5/2003 (bệnh chết năm 2019) nên không xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Ghi nhận chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Hoàng T không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Hoàng T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011301 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã VK, huyện TS, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Minh Tâm